

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-37) 3 824 876 Fax: (84-37) 3824 211

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC*(tiếp theo)*

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2010.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng số 5, tên giao dịch là THE VIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY – NO 5 (VINACONEX No 5 – JSC), gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công ty Xây dựng số 5 được thành lập theo quyết định số 1500-BXD ngày 29/09/1973 trên cơ sở sáp nhập Công ty Kiến trúc Ninh Bình và Công ty Kiến trúc Nam Hà thành Công ty Xây dựng số 5; sau đó được thành lập lại theo Quyết định số 047A/BXD-TCLĐ ngày 12/02/1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Từ ngày 04/10/2004 Công ty Xây dựng số 5 được chuyển thành Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 theo Quyết định số 1552/QĐ-BXD ngày 04/10/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2603000225 ngày 05/11/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hoá cấp. Công ty có 06 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 05 tháng 11 năm 2004;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 12 tháng 04 năm 2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 18 tháng 07 năm 2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 18 tháng 10 năm 2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 06 tháng 05 năm 2009;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 28 tháng 04 năm 2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **50.000.000.000 đồng** (Năm mươi tỷ đồng)

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VC5.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Xây dựng các công trình dân dụng và thủy lợi; xây dựng các công trình cảng thủy và cảng hàng không; Xây lắp đường dây và trạm biến áp; Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp và dân cư; Xây dựng cầu đường; Gia công lắp đặt cơ khí cho xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Đầu tư và kinh doanh nhà ở, khu đô thị;
- Đầu tư khai thác và kinh doanh nước sạch;
- Khai thác, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh vận tải đường bộ và thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ lao động và thương mại;
- Sửa chữa, bảo trì: Thiết bị cơ, điện, nước, và các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm gỗ công nghiệp cho xây dựng và gia dụng;
- Chế biến gỗ và lâm sản cho xây dựng;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu thiết bị và sản phẩm xây dựng./.

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-37) 3 824 876 Fax: (84-37) 3824 211

Công ty có 01 văn phòng đại diện tại Hà Nội, địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà Vimeco - lô E9 đường Phạm Hùng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC*(tiếp theo)***Danh sách cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (triệu/đồng)
1	Tổng Công ty Cổ phần XNK - Xây dựng Việt Nam (Đại diện vốn Nhà nước) Người đại diện Nguyễn Ngọc Điệp	Tòa nhà Vinaconex - 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	2,550,000	25,500
	Đỗ Công Hiến	Số 52/108 Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	800,000	8,000
	Trần Duy Bái	Số 22, ngõ 151B, Thái Hà, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	600,000	6,000
	Vũ Văn Mạnh	C23, ngõ 109, đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	1,000,000	10,000
		P2, nhà 66, Bách Khoa, thành phố Hà Nội	150,000	1,500
2	Trần Duy Bái	C23, ngõ 109, đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	43,750	437.5
3	Mai Văn Đình	Số 3 ngách 115, phố Nhân Hòa, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	41,618	416.2
4	Trần Thọ	Số 203, đường Trần Phú, phường Ba Đình, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa	38,006	380.1

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2010 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Duy Bái	Chủ tịch
Ông Ngô Hải An	Ủy viên
Ông Mai Văn Đình	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Ủy viên
Ông Đỗ Công Hiến	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Duy Bái	Giám đốc
Ông Trần Đức Cung	Phó giám đốc
Ông Mai Văn Đình	Phó giám đốc
Ông Ngô Hải An	Phó giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC*(tiếp theo)***Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Trần Duy Báo**Tổng giám đốc***Thanh Hóa, ngày 20 tháng 01 năm 2011*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính năm 2010
của Công ty Cổ phần Xây dựng số 5

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 được lập tại ngày 20 tháng 01 năm 2011 của Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 07 đến trang 26 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 5.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Chúng tôi xin lưu ý, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán là Báo cáo tài chính riêng của nhà đầu tư, do đó các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 cho năm tài chính 2010:

- a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Trần Quốc Tuấn

Tổng giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Dương Thúy Anh

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1213/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		562,295,935,645	477,194,944,415
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		24,676,167,552	43,769,759,103
1 Tiền	111	V.1.	24,676,167,552	43,769,759,103
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		215,866,529,107	172,291,528,076
1 Phải thu của khách hàng	131		177,147,720,858	138,710,656,126
2 Trả trước cho người bán	132		39,198,164,778	33,521,451,468
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	40,723,479	358,269,945
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(520,080,008)	(298,849,463)
IV Hàng tồn kho	140		319,762,567,340	259,841,115,150
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	319,762,567,340	259,841,115,150
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		1,990,671,646	1,292,542,086
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.1	1,990,671,646	1,292,542,086
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		37,623,411,925	33,008,565,353
II Tài sản cố định	220		30,572,092,284	30,110,589,816
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	29,332,017,383	28,722,343,260
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.4.	1,240,074,901	1,388,246,556
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3,591,340,115	550,116,354
1 Đầu tư vào công ty con	251	VIII.2.2	3,591,340,115	1,041,340,115
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(491,223,761)
V Tài sản dài hạn khác	260		3,459,979,526	2,347,859,183
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5.	3,459,979,526	2,347,859,183
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		599,919,347,570	510,203,509,768

(tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		507,414,906,435	420,580,285,109
I Nợ ngắn hạn	310		487,416,234,596	404,252,614,301
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.7.	161,423,424,161	106,509,459,084
<i>Vay ngắn hạn</i>	0		<i>161,423,424,161</i>	<i>106,509,459,084</i>
2 Phải trả người bán	312		134,127,255,317	92,922,738,509
3 Người mua trả tiền trước	313		165,134,206,881	168,655,395,834
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8.	2,935,861,009	10,172,677,845
5 Phải trả người lao động	315		5,210,457,000	18,242,549,000
6 Chi phí phải trả	316	V.9.	12,281,410,381	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.10.	789,660,813	2,735,738,667
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5,513,959,034	5,014,055,362
II Nợ dài hạn	330		19,998,671,839	16,327,670,808
3 Phải trả dài hạn khác	333	VIII.2.3	-	180,000,000
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.11.	11,260,920,000	8,992,400,000
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1,828,362,498	1,946,389,898
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		6,909,389,341	5,208,880,910
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		92,504,441,135	89,623,224,659
I Vốn chủ sở hữu	410	V.12.	92,504,441,135	89,623,224,659
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50,000,000,000	50,000,000,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		9,828,000,000	9,828,000,000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		1,225,495,749	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		117,425	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		17,318,144,907	11,359,623,497
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		2,330,515,886	1,548,173,059
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		11,802,167,168	16,887,428,103
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		599,919,347,570	510,203,509,768

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
5 Ngoại tệ các loại			83.72	96.92
<i>USD</i>		V.1.	<i>83.72</i>	<i>96.92</i>
6 Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 01 năm 2011
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5
 Tổng giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

Mai Văn Sơn

Lê Thanh Giêng

Trần Duy Bái

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-37) 3 824 876 Fax: (84-37) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2010

Mẫu số B 01 - DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
1 Tài sản thuê ngoài		-	-
2 Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3 Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4 Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5 Ngoại tệ các loại		-	-
USD	V.I.	96.92	96.92
6 Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 01 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5**Giám đốc****Người lập****Kế toán trưởng****Mai Văn Sơn****Lê Thanh Giêng****Trần Duy Báu**

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.13.	550,840,995,179	549,139,691,371
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.14.	550,840,995,179	549,139,691,371
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.15.	517,817,215,924	510,529,409,810
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		33,023,779,255	38,610,281,561
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.16.	767,964,338	765,751,230
7 Chi phí tài chính	22	VI.17.	8,714,388,281	9,470,310,805
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8,714,388,281	8,979,087,044
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.4	10,949,703,248	10,657,507,208
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		14,127,652,064	19,248,214,778
11 Thu nhập khác	31	VIII.2.5	1,538,037,491	97,682,196
12 Chi phí khác	32	VIII.2.6	5,966,665	9,410
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1,532,070,826	97,672,786
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		15,659,722,890	19,345,887,564
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.18.	3,857,555,722	2,418,235,945
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		11,802,167,168	16,927,651,619
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.20.	2,360	3,386

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 01 năm 2011
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Mai Văn Sơn

Lê Thanh Giêng

Trần Duy Báu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		15,659,722,890	19,345,887,564
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	2		7,506,984,710	5,924,495,948
- Các khoản dự phòng	3		(269,993,216)	790,073,224
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(767,964,338)	(491,223,761)
- Chi phí lãi vay	6		8,714,388,281	8,979,087,044
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		30,843,138,327	34,548,320,019
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(43,641,411,474)	(45,067,894,881)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(59,921,452,190)	81,930,645,168
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		19,405,772,282	36,553,204,604
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,112,120,343)	586,079,705
- Tiền lãi vay đã trả	13		(8,714,388,281)	(8,979,087,044)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3,971,185,857)	(1,429,406,746)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2,100,506,984	8,201,149,951
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(3,151,167,407)	(1,420,204,476)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(68,162,307,959)	104,922,806,300
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21		(8,122,625,498)	(5,965,406,199)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		1,509,412,491	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		767,964,338	765,751,230
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5,845,248,669)	(5,199,654,969)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		335,994,065,617	307,913,555,880
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(281,080,100,540)	(375,060,644,675)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(7,000,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		54,913,965,077	(74,147,088,795)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(19,093,591,551)	25,576,062,536
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		43,769,759,103	18,193,696,567
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1.	24,676,167,552	43,769,759,103

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 01 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Mai Văn Sơn

Lê Thanh Giảng

Trần Duy Bái

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 5, tên giao dịch là THE VIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY – NO 5 (VINACONEX No 5 – JSC), gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công ty Xây dựng số 5 được thành lập theo quyết định số 1500-BXD ngày 29/09/1973 trên cơ sở sáp nhập Công ty Kiến trúc Ninh Bình và Công ty Kiến trúc Nam Hà thành Công ty Xây dựng số 5; sau đó được thành lập lại theo Quyết định số 047A/BXD-TCLĐ ngày 12/02/1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Từ ngày 04/10/2004 Công ty Xây dựng số 5 được chuyển thành Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 theo Quyết định số 1552/QĐ-BXD ngày 04/10/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2603000225 ngày 05/11/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hoá cấp. Công ty có 06 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 05 tháng 11 năm 2004;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 12 tháng 04 năm 2007;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 18 tháng 07 năm 2007;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 18 tháng 10 năm 2007;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 06 tháng 05 năm 2009;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 28 tháng 04 năm 2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **50.000.000.000** đồng (*Năm mươi tỉ đồng*)

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VC5.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng và thuỷ lợi; xây dựng các công trình cảng thuỷ và cảng hàng không; Xây lắp đường dây và trạm biến áp; Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp và dân cư; Xây dựng cầu đường; Gia công lắp đặt cơ khí cho xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Đầu tư và kinh doanh nhà ở, khu đô thị;
- Đầu tư khai thác và kinh doanh nước sạch;
- Khai thác, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh vận tải đường bộ và thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ lao động và thương mại;
- Sửa chữa, bảo trì: Thiết bị cơ, điện, nước, và các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm gỗ công nghiệp cho xây dựng và gia dụng;
- Chế biến gỗ và lâm sản cho xây dựng;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu thiết bị và sản phẩm xây dựng./.

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá
Tel: (84-37) 3 824 876 Fax: (84-37) 3824 211

Công ty có 01 văn phòng đại diện tại Hà Nội, địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà Vimenco - lô E9 đường Phạm Hùng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010****II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán ANA4.0. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính giữa niên độ Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp giá đích danh.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Tại thời điểm 31/12/2010, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**3.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam với số vốn góp chiếm 51%, được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**5.1 Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 16 – Chi phí đi vay.

5.2 Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ

Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ được tính căn cứ số tiền các đội phụ trách các công trình vay vốn của công ty để mua nguyên vật liệu và trả tiền nhân công trực tiếp cho công trình đó. Lãi suất là lãi suất ngân hàng tại thời điểm công ty phải trả cho ngân hàng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau bao gồm các loại chi phí: chi phí mua các công cụ xây dựng, phụ tùng thay thế, công cụ văn phòng, đội và thương hiệu VINACONEX chờ phân bổ.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010**

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí kiểm toán cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 được ghi nhận căn cứ trên Hợp đồng kinh tế.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và tạm trích các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu hoạt động xây lắp các công trình xây dựng, dọn vệ sinh công nghiệp, vận chuyển vật liệu xây dựng và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Một số hợp đồng xây dựng của Công ty quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng, doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hóa đơn giá trị gia tăng, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực số 15 - "Hợp đồng xây dựng".

Một số hợp đồng xây dựng khác của Công ty quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực số 15 - "Hợp đồng xây dựng".

Doanh thu dịch vụ vệ sinh công nghiệp, vận chuyển được xác định theo giá trị khối lượng hoàn thành, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, và chênh lệch tỉ giá phù hợp các quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ, đã trừ đi chi phí lãi vay được vốn hóa.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010****12.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng của bên bán.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Nguyên tắc trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi dựa theo thời hạn thanh toán hợp đồng kinh tế.

Mức trích lập dự phòng cụ thể như sau: 50% đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 1 năm.

Mức trích lập dự phòng cụ thể như sau: 70% đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến trên 3 năm.

12.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

12.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn.

Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

12.4 Nguyên tắc ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm

Khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích lập từ 2% tổng quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội của công ty.

12.5 Các nghĩa vụ về thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 5% đối với các dịch vụ sửa chữa, 10% đối với hoạt động xây lắp và dịch vụ khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

12.6 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn của hoạt động xây lắp được ghi nhận trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh của từng công trình. Tuy nhiên để đảm bảo hiệu quả kinh doanh công ty thực hiện việc ký kết hợp đồng giao khoán công trình cho các đội thi công với mức giao khoán từ 85% đến 95% doanh thu tùy thuộc vào từng công trình.

Giá vốn các dịch vụ khác được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2010

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	277,833,201	118,018,954
Tiền gửi ngân hàng	24,398,334,351	43,651,740,149
Tài khoản VND	24,396,749,364	43,649,987,587
Ngân hàng Công thương thị xã Bim Sơn	9,177,983,616	10,309,458,917
Ngân hàng No & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	379,927,322	2,189,081,217
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn	11,783,806,874	19,128,890,918
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội	1,253,394,831	10,990,361,355
Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt - Chi nhánh Hà Nội	1,801,636,721	1,032,195,180
Tài khoản USD	1,584,987	1,752,562
Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt - Chi nhánh Hà Nội	1,584,987	1,752,562
Tổng cộng	24,676,167,552	43,769,759,103
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu khác	18,712,450	422,000
Dư nợ TK 338	22,011,029	357,847,945
Bảo hiểm xã hội nộp trước	22,011,029	357,847,945
Tổng cộng	40,723,479	358,269,945
3. Hàng tồn kho	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3,529,467,114	3,594,689,232
Công cụ, dụng cụ	173,739,339	562,659,893
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	316,059,360,887	255,683,766,025
Công trình gói thầu 16 Xi măng Bim Sơn	3,147,320,735	4,686,289,462
Công trình hầm chui đại học Tây Nam	921,910,278	2,993,501,577
Công trình Nhà máy Giấy Bãi Bằng	963,505,862	2,894,946,159
Công trình Thủy điện Tà Thàng	8,601,943,989	1,944,814,548
Công trình Chung cư Ngô Thị Nhậm	3,698,350,305	526,208,371
Công trình trạm trộn Tà Thàng	-	300,180,738
Công trình kênh dẫn tụy nen Dốc Cáy	-	2,213,681,049
Công trình khu nhà ở vận hành Thủy điện Cửa Đạt	6,659,499,657	2,665,108,038
Công trình Hào kỹ thuật khu CN cao Láng Hòa Lạc	-	5,708,854,226
Chế tạo giằng cầu nhà N05	-	704,892,918
Hạng mục nước chữa cháy 34-24 tầng Trung Hòa	-	158,647,273
Ban điều hành nhà máy thủy điện Tà Thàng	562,602,469	187,591,693
Công trình Khu công nghệ cao hoà lạc B3-B7	1,324,149,452	1,324,149,452
Công trình Nhà máy xi măng Yên Bình	-	1,800,717,175

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

Công trình Trung tâm hội nghị quốc gia	2,382,608,006	2,382,608,006
Công trình Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bim Sơn	2,830,894,887	-
Công trình thủy điện Bản Chát	12,162,400,163	-
Công trình Nhà sa bàn bảo vệ Cửa Đạt	1,431,234,419	1,431,234,419
Công trình Trạm bơm nước sông Hoà Bình	-	4,529,362,313
Công trình bể nước + hầm chui vành đai đường sắt Hòa Lạc	9,701,515,040	-
Công trình Móng,tầng hầm,thân CT1, CT2	7,747,247,589	6,508,571,802
Công trình Trung tâm Thương mại Chợ Mơ	38,507,420,848	-
Công trình Bể chứa nước 30.000m3 Hoà Bình	-	752,153,247
Công trình Gói thầu 2: Cầu Thanh tri	3,462,432,069	3,336,536,069
Công trình cục thuế tỉnh Thanh Hóa	5,425,554,768	-
Công trình Dốc nước Cửa Đạt	861,920,117	1,257,153,153
Công trình Bể nước 30.000m3 Hòa bình	-	2,074,582,628
Công trình Xi măng Mai Sơn - Sơn La	8,556,434,061	-
Công trình Đập tràn xả lũ Cửa Đạt	17,425,370,606	9,283,102,450
Công trình Văn phòng mới XM Nghi son	2,717,746,864	2,717,746,864
Công trình Trụ sở 34 Láng Hạ	-	5,153,201,004
Công trình Nhà máy thủy điện Cửa Đạt	3,455,685,105	20,466,400,431
Công trình Điện, nước nhà CT1 vimeco	-	3,098,130,848
Công trình Gói thầu số 15 nhà máy xi măng Bim son	21,141,158,175	27,842,133,189
Công trình Trụ sở làm việc H2 - VINACONEX 9	11,446,145,989	22,649,789,826
Công trình Công trình Đại phát	3,600,035,544	3,600,035,544
Công trình Gói thầu số 9 - xi măng Bút son	14,593,636,681	15,086,789,137
Công trình Điện nước trụ sở Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	1,414,675,576	5,278,600,154
Công trình Gia công kết cấu thép gói thầu số 15 xi măng Bim son	2,019,648,556	6,894,515,256
Công trình Bể nước 93 Lò Đúc - Hà Nội	1,331,801,986	1,331,801,986
Công trình Cầu vượt Đồng Trúc - Hòa Lạc	6,962,913,716	5,107,733,295
Công trình San nền Nhà quản lý Dốc Cây Cửa Đạt	805,287,051	2,664,938,848
Công trình Bảo hiểm xã hội tỉnh Hà Nam	-	1,381,574,095
Công trình Gia công kết cấu thép gói thầu số 9 xi măng Bút Sơn	12,646,570,683	12,294,767,116
Công trình Trụ sở làm việc Nhà máy liên doanh Vinasanwa	-	1,799,797,579
Công trình Nhà bảo tàng Hà Nội	5,005,813,856	14,543,630,887
Công trình Gia công khuôn thép đúc dầm cầu Cửa Đạt	5,738,328,294	3,076,429,173
Công trình Nhà N05 Trung Hòa	29,576,934,061	16,994,051,581
Công trình Công ty Than Hạ Long	5,541,556,833	1,130,914,389
Công trình Lò nung đứng công suất 230 m3 Bim Sơn	-	1,791,946,042
Công trình Trượt lở nhà N05 Trung Hòa	5,291,229,000	13,404,023,055
Công trình Bể nước dây chuyền mới Xi măng Nghi son	-	549,648,823
Nhà chung cư tại khu Bắc An Khánh	30,425,457,132	-
Các công trình khác	15,970,420,465	7,160,280,137
Cộng giá gốc hàng tồn kho	319,762,567,340	259,841,115,150
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công trình Nhà máy nước Nghi Sơn	1,240,074,901	1,388,246,556
Tổng cộng	1,240,074,901	1,388,246,556

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2010

5. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	2,919,979,526	1,747,859,183
Thương hiệu Vinaconex	540,000,000	600,000,000
Tổng cộng	3,459,979,526	2,347,859,183

6.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2010

7. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>161,423,424,161</i>	<i>106,509,459,084</i>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bim Sơn	102,197,225,750	62,278,191,382
Ngân hàng Công thương thị xã Bim Sơn	44,166,109,254	20,203,401,000
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội	15,060,089,157	24,027,866,702
Tổng cộng	161,423,424,161	106,509,459,084

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	01/01/2010	Số phải nộp	Số đã nộp	Đơn vị tính: VND 31/12/2010
Thuế GTGT đầu ra	8,424,410,846	8,653,054,758	15,866,731,208	1,210,734,396
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,649,587,739	3,981,286,560	3,971,185,857	1,659,688,442
Thuế thu nhập cá nhân	1,466,416	200,627,750	190,109,795	11,984,371
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	77,671,844	298,355,194	376,027,038	-
Các loại thuế khác	19,541,000	36,912,800	3,000,000	53,453,800
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10,172,677,845			2,935,861,009

9. Chi phí phải trả	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trích trước chi phí công trình xây dựng	12,281,410,381	-
Tổng cộng	12,281,410,381	-

10. Các khoản phải trả, phải nộp khác	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
<i>Kinh phí công đoàn</i>	<i>524,509,813</i>	<i>872,065,773</i>
<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	<i>-</i>	<i>359,280,378</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>265,151,000</i>	<i>1,504,392,516</i>
Trần Duy Bầu	-	26,000,000
Mai Văn Đình	-	21,055,303
Trần Đức Cung	-	21,055,303
Trịnh Viết Kiệt	-	19,000,000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

Nguyễn Mạnh Cường	-	1,241,375,000		
Đỗ Công Hiêm	-	21,055,303		
Vũ Văn Mạnh	-	21,055,303		
Trần Thọ	-	21,055,304		
Trịnh Đình Thuận	500,000	500,000		
CBCNV ủng hộ làm từ thiện	160,651,000	112,241,000		
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	64,000,000	-		
Nhận đặt cọc dự thầu	40,000,000	-		
Tổng cộng	789,660,813	2,735,738,667		
11. Vay và nợ dài hạn	31/12/2010	01/01/2010		
	VND	VND		
<i>Vay dài hạn</i>	<i>11,260,920,000</i>	<i>8,992,400,000</i>		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bim Sơn	7,812,000,000	6,800,000,000		
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội	3,448,920,000	2,192,400,000		
Tổng cộng	11,260,920,000	8,992,400,000		
12. Vốn chủ sở hữu				
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu		Đơn vị tính: VND		
Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2009	50,000,000,000	9,828,000,000	14,966,262,879	74,794,262,879
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	16,927,651,619	16,927,651,619
Giảm khác	-	-	(15,006,486,395)	(15,006,486,395)
Số dư tại ngày 31/12/2009	50,000,000,000	9,828,000,000	16,887,428,103	76,715,428,103
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	11,802,167,168	11,802,167,168
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(16,887,428,103)	(16,887,428,103)
Số dư tại ngày 31/12/2010	50,000,000,000	9,828,000,000	11,802,167,168	71,630,167,168
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu			31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
Vốn góp của Nhà nước - Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam			25,500,000,000	25,500,000,000
Vốn góp của các cổ đông khác			24,500,000,000	24,500,000,000
Cộng			50,000,000,000	50,000,000,000
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận			31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50,000,000,000	50,000,000,000
Vốn góp đầu năm	50,000,000,000	50,000,000,000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	50,000,000,000	50,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	7,000,000,000

d) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	14%	14%
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	14%	14%
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

đ) Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5,000,000	5,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5,000,000	5,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	5,000,000	5,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,000,000	5,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	5,000,000	5,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

f) Các quỹ của công ty

Chỉ tiêu	01/01/2010	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2010
Quỹ đầu tư phát triển	11,359,623,497	6,630,798,977	672,277,567	17,318,144,907
Quỹ dự phòng tài chính	1,548,173,059	782,342,827	-	2,330,515,886
Tổng cộng	12,907,796,556	7,413,141,804	672,277,567	19,648,660,793

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập bằng 14% Thuế TNDN được giảm và 15% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi trừ các khoản: chia cổ tức, thuế TNDN năm hiện hành và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập lập trong năm bằng 10% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi trừ các khoản chia cổ tức, thuế TNDN năm hiện hành, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

13. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	535,469,367,972	531,484,172,141
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15,371,627,207	17,655,519,230
Tổng cộng	550,840,995,179	549,139,691,371
14. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	535,469,367,972	531,484,172,141
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	15,371,627,207	17,655,519,230
Tổng cộng	550,840,995,179	549,139,691,371
15. Giá vốn hàng bán	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	503,147,068,894	494,286,332,118
Giá vốn dịch vụ đã cấp	14,670,147,030	16,243,077,692
Tổng cộng	517,817,215,924	510,529,409,810
16. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi	767,964,338	765,751,230
Tổng cộng	767,964,338	765,751,230
17. Chi phí tài chính	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	8,714,388,281	8,979,087,044
Dự phòng đầu tư tài chính	-	491,223,761
Tổng cộng	8,714,388,281	9,470,310,805
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2010	Năm 2009
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	553,146,997,008	550,003,124,797
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	537,487,274,118	530,657,237,233
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	15,430,222,890	19,345,887,564
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3,857,555,722	4,836,471,891
Số thuế TNDN đã được điều chỉnh giảm 50% theo thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003	-	2,418,235,946

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

Số thuế TNDN phải nộp năm hiện hành	3,857,555,722	2,418,235,945
19. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	353,042,638,966	296,699,780,040
Chi phí nhân công	92,342,270,046	92,851,759,271
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7,506,984,710	5,924,495,948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	117,332,638,213	52,388,174,248
Chi phí khác bằng tiền	17,375,467,153	15,797,180,670
Tổng cộng	587,599,999,088	463,661,390,177

VIII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Giao dịch với các bên liên quan

Doanh thu

	<i>Quan hệ với Công ty</i>	Năm 2010	Năm 2009
		VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng VN	Công ty mẹ	118,980,476,883	95,321,345,025
BQLDA nước Sông Đà Hà Nội	Cùng TCT	2,328,382,595	5,959,673,964
BQL dự án xi măng Cẩm Phả	Cùng TCT	-	38,789,661,658
BĐH dự án Hồ chứa nước Cửa Đạt	Cùng TCT	-	74,081,514,988
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình (Giám DT)	Cùng TCT	(145,559,091)	-
Công ty Cổ phần Bê tông và XD Vinaconex Xuân M	Cùng TCT	-	21,156,047,755
Công ty Cổ phần Vimeco	Cùng TCT	3,241,840,510	-
Công ty Cổ phần ĐT TM Vinaconex Thanh Hóa	Cùng TCT	90,355,455	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	Cùng TCT	16,333,454,728	8,019,471,637
Công ty Cổ phần E & C	Cùng TCT	1,824,868,178	13,303,333,585
Công ty CP phát triển thương mại Vinaconex	Cùng TCT	24,400,365,454	1,042,300,650
BQL mở rộng đường lán - Hòa Lạc	Cùng TCT	14,665,840,755	7,057,327,273
BĐH Dự án xây dựng ĐHQG TP Hồ Chí Minh	Cùng TCT	6,139,562,780	-
BĐH thi công GĐ1 dự án KĐT Bắc An Khánh	Cùng TCT	15,506,347,000	-

1.2 Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thu nhập Ban giám đốc công ty	955,987,000	862,696,000
Tổng cộng	955,987,000	862,696,000

1.3 Số dư với các bên liên quan

	<i>Quan hệ với Công ty</i>	31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
Các khoản phải thu			
Công ty Cổ phần XL và Trang trí nội thất VN	Công ty con	7,195,839,116	210,673,411

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

Các khoản phải trả

Công ty Cổ phần XL và Trang trí nội thất VN Công ty con 9,166,382,253 2,771,313,620

2. Những thông tin khác

2.1 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	290,395,499	416,835,839
Hà Trung Thức	5,000,000	-
Lại Khắc Kiên	3,500,000	-
Mai Văn Sơn	14,548,500	-
Vũ Anh Tiến	-	1,500,000
Vũ Xuân Thiện	12,863,600	15,000,000
Trần Xuân Hải	110,665,335	2,216,575
Tô Thị Ngọc	-	220,226,170
Trần Đình Vân	4,619,856	4,619,856
Nguyễn Quang Minh	13,000,000	16,000,000
Lê Quốc Dũng	-	721,938
Lê Xuân Minh	20,778,500	34,778,500
Nguyễn Trọng Sự	11,000,000	11,000,000
Nguyễn Hữu Phương	9,210,650	12,710,650
Phạm Ngọc Hiệp	12,621,700	645,000
Bùi Thanh Quyền	8,178,250	10,212,150
Nguyễn Xuân Hùng	2,000,000	2,000,000
Phạm Văn Tuyên	10,000,000	10,000,000
Phạm Tiến Sỹ	3,053,000	10,205,000
Ngô Hải An	49,356,108	65,000,000
Ký quỹ ngắn hạn	1,700,276,147	875,706,247
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội	105,276,147	375,706,247
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn	1,595,000,000	500,000,000
Tổng cộng	1,990,671,646	1,292,542,086

2.2 Đầu tư vào Công ty con

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Trang trí nội thất Việt Nam - Vinadecor	510,000	3,591,340,115	255,000	1,041,340,115

2.3 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nhận ký quỹ dài hạn	-	180,000,000
Tổng cộng	-	180,000,000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010**

2.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	6,294,831,000	5,758,128,601
Chi phí vật liệu quản lý	757,680,875	665,030,129
Chi phí đồ dùng văn phòng	251,738,171	257,434,451
Chi phí khấu hao TSCĐ	248,260,505	209,806,926
Thuế, phí và lệ phí	229,289,914	258,124,084
Chi phí dịch vụ mua ngoài	695,636,614	684,651,927
Chi phí bằng tiền khác	2,048,997,624	2,824,331,090
Tổng cộng	10,949,703,248	10,657,507,208
2.5 Thu nhập khác	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ	1,509,412,491	400,000
Thu nhượng bán vật tư, cho thuê máy	3,636,000	97,282,196
Doanh thu cho thuê giáo và bán bê tông	24,989,000	-
Tổng cộng	1,538,037,491	97,682,196
2.6 Chi phí khác	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	5,966,665	9,410
Tổng cộng	5,966,665	9,410
2.7 Thông tin so sánh		

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2009 của Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam, một số chỉ tiêu đã được phân loại cho phù hợp với Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009.

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 01 năm 2011
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5
Tổng giám đốc

Người lập**Kế toán trưởng****Mai Văn Sơn****Lê Thanh Giảng****Trần Duy Báu**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-37) 3 824 876 Fax: (84-37) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2010

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2010	11,426,967,553	36,982,377,126	13,926,431,253	7,853,348,214	70,189,124,146
Mua trong năm	-	6,660,895,181	1,225,495,749	236,234,568	8,122,625,498
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(2,843,912,045)	(580,346,000)	(115,773,960)	(3,540,032,005)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2010	11,426,967,553	40,799,360,262	14,571,581,002	7,973,808,822	74,771,717,639
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2010	3,776,473,655	21,637,569,146	9,018,004,314	7,034,733,771	41,466,780,886
Khấu hao trong năm	280,337,970	4,871,764,050	1,650,116,864	704,765,826	7,506,984,710
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(2,837,945,380)	(580,346,000)	(115,773,960)	(3,534,065,340)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2010	4,056,811,625	23,671,387,816	10,087,775,178	7,623,725,637	45,439,700,256
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2010	7,650,493,898	15,344,807,980	4,908,426,939	818,614,443	28,722,343,260
Tại ngày 31/12/2010	7,370,155,928	17,127,972,446	4,483,805,824	350,083,185	29,332,017,383

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 23.152.301.180 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23.796.957.158 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 194.257.205 VND